

Bản án số: 501/2021/HSPT
Ngày 20-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh.**

Ông **Trần Q Cường.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra** - Kiểm sát viên.

Ngày 20-12-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 260/2021/TLPT-HS ngày 07-4-2021 đối với bị cáo **Nguyễn Thành N**, do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 03-3-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thành N, sinh ngày 02-12-1993, tại Đăk Nông; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Đăk Nông; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: N; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965; vợ là Đào Thuận T, sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 23-4-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum, có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo không kháng cáo:

Phạm Bùi Anh Q, sinh ngày 03-4-1998, tại Đăk Nông; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Đăk Nông; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: T chúa giáo; giới tính: N; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1964 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1966; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 23-4-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum.

Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành N:

1. Luật sư **Lê Xuân Anh P** - Công ty TNHH P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

2. Luật sư **Trần Văn H** - Công ty TNHH A, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

3. Luật sư **Nguyễn Văn K** - Công ty TNHH P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Chị **Đào Thuận T**, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: tỉnh Đắk Nông, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: tỉnh Đắk Nông, có mặt tại phiên tòa.

(Bị cáo không kháng cáo và 02 người làm chứng, Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 ngày 23-4-2020, Phòng PC04 - Công an tỉnh Kon Tum phối hợp với Phòng PC08 - Công an tỉnh Kon Tum đang làm nhiệm vụ tại Q lộ 14 (thuộc tỉnh Kon Tum) phát hiện nên ra hiệu lệnh dừng xe ô tô tải, biển kiểm soát 48C-043.36 để kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra, người điều khiển phương tiện là Nguyễn Thành N, người ngồi bên ghế phụ là Phạm Bùi Anh Q. Tiến hành kiểm tra phương tiện phát hiện trên mặt táp lô phía bên ghế phụ trong Cabin xe ô tô có 01 bì nilon không màu, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng và 01 ống nhựa màu trắng, đổ được hàn kín một đầu; phát hiện phía sau thùng xe, tại góc thùng xe phía sau ghế phụ có 01 bì nilon không màu, bên trong có chứa 04 bì nilon không màu, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, trong đó có 03 bì nilon được quấn bằng dây chun màu vàng.

Tại Bản kết luận giám định số 78/KLGD-PC09 ngày 28-4-2020, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kết luận:

*“Mẫu chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong trong phong bì ký hiệu số “01” gửi giám định là ma túy, có khối lượng: **0,316 gam**, là loại: **Methamphetamine**.”*

*Mẫu chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M2.1; M2.2; M2.3; M2.4) được niêm phong trong phong bì ký hiệu số “02” gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng: **396,336 gam**, là loại: **Methamphetamine**”.*

Quá trình điều tra, Phạm Bùi Anh Q khai nhận:

Khoảng 12 giờ ngày 21-4-2020, Q đang ở nhà, thì Nguyễn Thành N gọi điện rủ đi Gia Lai chơi. Sau đó, N sang đón Q bằng xe ô tô tải, biển kiểm soát 48C-043.36.

Khoảng 19 giờ, N và Q đến thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum dừng lại ăn tối. Ăn xong, N đưa thẻ ATM của N và nói Q vào cây ATM - Ngân hàng S Đ rút cho N 100.000.000 đồng. Q vào cây ATM rút 10 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng rồi cầm tiền và thẻ ATM ra đưa cho N. Khoảng 20 giờ cùng ngày, N và Q đến nhà một người phụ nữ ở huyện N (sau này Q mới biết đó là nhà của L) và ngủ tại đây. Cả ngày 22-4-2020, Q và N ở tại nhà L.

Khoảng 09 giờ ngày 23-4-2020, khi Q đang nằm trong phòng, thì L gọi ra ngoài phòng khách. Lúc này, Q thấy L và N đang ngồi ở phòng khách, L lấy 01 gói nilon không màu đang để trên bàn, bên trong có chứa ma túy đá và một ống nhựa màu trắng, đồ hàn kín một đầu đưa cho Q và nói Q cầm vào phòng sử dụng. Sau khi Q sử dụng ma túy, thì L lại gọi Q ra rồi hỏi: “Đồ có ngon không?”, Q trả lời: “Bình thường”. Một lúc sau, N đứng dậy đi, Q hỏi, thì N nói ra Ngân hàng, còn Q ở lại nhà L. Được một lúc, L lấy xe mô tô chở Q đi, lúc đi Q cầm theo gói ma túy mà L đưa trước đó chưa sử dụng hết. Khi đến nơi, Q thấy N đang dừng xe ở bên đường (đối diện với cổng cũ Bệnh viện huyện N). Q lên xe ô tô của N ngồi, còn N và L nói chuyện với nhau. Sau đó, N lên xe ô tô và điều khiển xe ra quán nước trước cổng Bệnh viện huyện N. N, Q và L ngồi uống nước tại đây một lúc rồi Q lên xe ô tô, bỏ gói ma túy cầm theo người lên trên nắp lô bên trong Cabin xe (phía bên ghế phụ), sau đó đi xuống uống nước cùng với N và L. Đến trưa, L đi mua cơm về để cả ba cùng ăn cơm tại quán nước.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, Q và N lên xe ô tô đi về Đăk Nông. Khi về đến thị trấn Đ, huyện Đ, N nghe điện thoại của ai đó rồi quay xe ô tô đi về lại thị trấn Plei Kần, huyện N. Khi đến Ngân hàng S N, N dừng xe và đưa thẻ ATM của N nói Q vào rút 80.000.000 đồng. Q vào cây ATM rút 08 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng rồi cầm tiền và thẻ ATM ra đưa cho N. N lái xe đi vào lại xã P, huyện N và dừng xe ở một bãi đất trống bên đường (phía bên phải theo chiều đi vào) rồi xuống xe, còn Q vẫn ngồi trên xe. Một lúc sau, Q thấy L đi xe mô tô màu đỏ, chở theo con nhỏ đi ra, trên xe có treo một bì nilon ở phía móc đồ bên trái. L đi qua phía Q ngồi rồi ra phía sau xe ô tô. Q quay lại nhìn qua kính giữa ghế phụ và ghế tài thấy L đưa bì nilon này cho N. Khoảng 15 phút sau, N lên xe đi về. Trên đường về, N nói với Q: “Đã nhận được ma túy từ bà L rồi”. Sau đó, N và Q đến quán cơm tại thị trấn Đ ăn cơm, ăn xong cả hai tiếp tục đi về. Khi đến Q lộ 14, thuộc tỉnh Kon Tum thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật của vụ án.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thành N không thừa nhận 04 gói ma túy thu giữ trên thùng xe ô tô là của N; không thừa nhận diễn biến sự việc như lời khai của Phạm Bùi Anh Q. N chỉ khai nhận sang nhà chị D tại xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum chơi, N không biết người nào tên là L.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 03-3-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum tuyên bố:

- Nguyễn Thành N phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; không phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Phạm Bùi Anh Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm b khoản 4 điều 250 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Thành N tù **Chung thân** về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 23-4-2020.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Phạm Bùi Anh Q 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 23-4-2020.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước ½ giá trị chiếc xe ô tô, biển kiểm soát 48C-043.36, số khung: KMFZCZ7KADU945912, số máy: D188568D4CB, nhãn hiệu HYUNDAI, loại xe: ô tô tải, xe cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng, tại thời điểm thi hành án; kèm theo 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, biển kiểm soát 48C-043.36; 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số 1892208.

Hoàn trả cho chị Đào Thuận T ½ giá trị chiếc xe ô tô, biển kiểm soát 48C-043.36, số khung: KMFZCZ7KADU945912, số máy: D188568D4CB, nhãn hiệu HYUNDAI, loại xe: ô tô tải, xe cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng, tại thời điểm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý các vật chứng khác, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 04-3-2021, Nguyễn Thành N kháng cáo kêu oan.

- Ngày 18-3-2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đào Thuận T kháng cáo về phần xử lý vật chứng.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thành N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đào Thuận T kháng cáo bản án; đơn kháng cáo của bị cáo và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút toàn bộ kháng cáo; bị cáo Nguyễn Thành N thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đào Thuận T.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận, các Luật sư bào chữa cho Nguyễn Thành N cho rằng quá

trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm Nguyễn Thành N khẳng định mình không phạm tội, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, do đó thống nhất với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về tội danh, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, hậu quả vụ án đã được ngăn chặn kịp thời để giảm xuống hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thành N nhận tội, không tranh luận bổ sung. Chỉ đề nghị giảm hình phạt.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Ngày 23-4-2020, Công an tỉnh Kon Tum tiến hành kiểm tra hành chính xe ô tô tải, biển kiểm soát 48C-043.36 và xác định người điều khiển phương tiện là Nguyễn Thành N, người ngồi bên ghế phụ là Phạm Bùi Anh Q. Tiến hành kiểm tra phương tiện phát hiện trên mặt táp lô phía bên ghế phụ trong Cabin xe ô tô có 01 bì nilon không màu, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng và 01 ống nhựa màu trắng, đở được hàn kín một đầu; phát hiện phía sau thùng xe, tại góc thùng xe phía sau ghế phụ có 01 bì nilon không màu, bên trong có chứa 04 bì nilon không màu, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, trong đó có 03 bì nilon được quấn bằng dây chun màu vàng.

Tại Bản kết luận giám định số 78/KLGD-PC09 ngày 28-4-2020, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kết luận: “*Mẫu chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong trong phong bì ký hiệu số “01” gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,316 gam, là loại: Methamphetamine.*”

Mẫu chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M2.1; M2.2; M2.3; M2.4) được niêm phong trong phong bì ký hiệu số “02” gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng: 396,336 gam, là loại: Methamphetamine”.

[2.1.1]. Đối với khối lượng **0,316 gam** ma túy, loại **Methamphetamine**:

Quá trình điều tra, Phạm Bùi Anh Q khai nhận gói ma túy thu được trên táp lô (phía bên phụ), trong Cabin xe ô tô, có khối lượng **0,316 gam** là của đối tượng tên L ở thôn Iệt, xã P, huyện N đưa cho Q để sử dụng nhưng chưa hết, mục đích Q để ma túy trong Cabin xe ô tô là để mang về Đắk Nông sử dụng tiếp. Tại Cáo trạng số 07/CT-VKS-PT ngày 17-11-2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum cho rằng Nguyễn Thành N là chủ sở hữu, là người trực tiếp điều khiển xe ô tô, N thấy được nhưng vẫn để gói ma túy ở trong Cabin xe ô tô của mình và biết rõ nguồn gốc gói ma túy này được L đưa cho Q tại nhà của L, nên N phải chịu trách nhiệm hình sự với Q về khối lượng ma túy này; do đó, truy tố Nguyễn Thành N và Phạm Bùi Anh Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định khi L đưa ma túy, thì Phạm Bùi Anh Q đi vào trong phòng và sử dụng một mình, số còn lại Q cất giấu và tự ý lên xe ô tô, bỏ gói ma túy lên táp lô Cabin xe ô tô (phía bên phụ) để sử dụng dần, trong khi Nguyễn Thành N và L đang ngồi ở dưới quán uống nước, không biết việc cất giấu ma túy của Q, từ đó tuyên bố Nguyễn Thành N không phạm tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy” là có căn cứ. Bị cáo không kháng cáo về nội dung này, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[2.1.2]. Đối với khối lượng **396,336 gam** ma túy, loại **Methamphetamine**:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Thành N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Bị cáo thừa nhận các hành vi do mình thực hiện đúng như lời khai của bị cáo Phạm Bùi Anh Q. Lời khai nhận tội của bị cáo đã phù hợp với hình ảnh đã được trích xuất từ Camera an ninh của Công an huyện N, Công an huyện Đ (từ bút lục số 142 đến 148, 158 đến 163) thể hiện: *Vào lúc 10 giờ 23 phút ngày 23-4-2020, khi xe ô tô của Nguyễn Thành N đi ra Bệnh viện huyện N, khi đi qua địa phận Công an huyện N thì không thấy bì nilon (sau đó đã thu giữ phía sau thùng xe, bên trong có chứa 04 gói ma túy). Tuy nhiên, từ 15 giờ 58 phút đến 16 giờ 00 phút ngày 23-4-2020, khi N nhận được một cuộc điện thoại, thì bị cáo quay lại khu đất trống tại xã Đắc Xú, huyện N, sau đó quay lại về Đắc Nông. Khi xe ô tô đi tới trước Công an huyện Đ, đài truyền hình huyện Đ, thì trên xe của N lại có bì nilon (sau đó thu giữ, bên trong có chứa 04 gói ma túy); phù hợp với lời khai của Phạm Bùi Anh Q: “Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 23-4-2020, Q và N lên xe ô tô đi về Đắc Nông. Khi về đến thị trấn Đ, huyện Đ, Q thấy N nghe điện thoại của ai đó rồi quay xe ô tô đi về lại thị trấn Plei Kần, huyện N, lái xe đi vào lại xã P, huyện N và dừng xe ở một bãi đất trống bên đường. Q ngồi trên xe nhìn qua kính giữa ghế phụ và ghế tài thấy L đưa bì nilon cho N. Lúc sau, Q quay lại nhìn lần nữa thì thấy bì nilon này đang để ở đuôi thùng xe ô tô của N. Khoảng 15 phút sau, Q thấy L đi về, lúc về trên xe mô tô của L không có bì nilon lúc này nữa. Trên đường về N có nói với Q là đã nhận được ma túy từ bà L rồi” và phù hợp với lời khai của ông Trần Văn Đoán (nhà gần khu đất trống): “Nhìn thấy chiếc xe ô tô biển kiểm soát 48 đậu ở bãi đất trống. Sau đó, có một người to, cao đi xuống”.*

Như vậy, căn cứ lời khai nhận tội của Nguyễn Thành N tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của Phạm Bùi Anh Q (là bị cáo trong vụ án), lời khai xác nhận của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để kết luận:

Ngày 23-4-2020, Nguyễn Thành N thực hiện hành vi vận chuyển 04 gói ma túy trên thùng xe ô tô, biển kiểm soát 48C-043.36 đi từ huyện N. Khi xe ô tô đi trên Q lộ 14 (tỉnh Kon Tum) thì bị Công an tỉnh Kon Tum phát hiện, bắt quả tang. Tại Bản kết luận giám định số 78/KLGD-PC09 ngày 28-4-2020, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kết luận: *“Mẫu chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M2.1; M2.2; M2.3; M2.4) được niêm phong trong phong bì ký hiệu số “02” gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng: **396,336 gam**, là loại: **Methamphetamine**”.*

Với hành vi phạm tội như nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nguyễn Thành N về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 điều 250 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và không oan.

[2.2]. Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương và là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm

khác. Xét tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo tù chung thân là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi xét xử bị cáo kháng cáo kêu oan, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải với hậu quả do mình gây ra. Như vậy, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đồng thời, xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, cùng với hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của bị cáo đã được ngăn chặn kịp thời, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét giảm hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Như vậy, nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Đào Thuận T rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy việc rút kháng cáo này là hoàn toàn tự nguyện; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị Đào Thuận T.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5]. Về án phí:

Do rút kháng cáo, nên chị Đào Thuận T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận, nên Nguyễn Thành N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành N.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 03-3-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum về phần Trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thành N.

- Áp dụng điểm b khoản 4 điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Thành N 20 (hai mươi) năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 23-4-2020.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đào Thuận T.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 03-3-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum về phần Xử lý vật chứng đối với “Xe ô tô, biển kiểm soát 48C-043.36 số khung: KMFZCZ7KADU945912, số máy: D188568D4CB, nhãn hiệu HYUNDAI, loại xe: ô tô tải” có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 20-12-2021.

3. Quyết định về xử lý vật chứng khác, án phí được thực hiện theo Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 03-3-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

4. Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ điểm g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Đào Thuận T không phải chịu phải án phí phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thành N không phải chịu phải án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Kon Tum;
- Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Kon Tum;
(02 bản, để giao cho bị cáo 01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Cục THA dân sự tỉnh Kon Tum;
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường